

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Chí L**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc T**

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy Ng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim U** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1992 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 584/1 đường Ngô Quyền, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Cái Nước Ngọt, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Trịnh Minh X**, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 584/1 đường Ngô Quyền, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:** Trước đây bà T và ông X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/10/2012.

Lý do xin ly hôn: Bà T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm rạn nứt, bà T đã về nhà mẹ ruột sinh sống, hai bên sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Minh X.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trịnh Hoàng Tên Nhi, sinh ngày 23/7/2012 và Trịnh Hoàng Mỹ Doanh, sinh ngày 04/5/2014, hiện đang sống với ông X, bà T yêu cầu giao con cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trịnh Minh X trình bày tại bản tự khai ngày 21/3/2022 như sau:**

Trước đây ông và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông X đồng ý ly hôn với bà T

Về con chung: Ông X xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trịnh Hoàng Tên Nhi, sinh ngày 23/7/2012 và Trịnh Hoàng Mỹ Doanh, sinh ngày 04/5/2014, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông X xác nhận không có

*** Tại phiên tòa:**

Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà kiên quyết xin ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà T thống nhất giao 02 con chung cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Trần Thị T và ông Trịnh Minh X là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ

khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trịnh Minh X có đơn xin xét xử vắng mặt, việc xin xét xử vắng mặt này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Bà Trần Thị T và ông Trịnh Minh X tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/10/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, bà T đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, vợ chồng phải biết quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng giữa bà T và ông X đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, bà T cũng xác nhận hiện nay không còn tình cảm với ông X nên kiên quyết xin ly hôn với ông X, đồng thời ông X cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà X. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông X.

[3] Về con chung: Bà T và ông X xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trịnh Hoàng Tên Nhi, sinh ngày 23/7/2012 và Trịnh Hoàng Mỹ Doanh, sinh ngày 04/5/2014, hiện đang sống với ông X. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà T và ông X về việc giao 02 con chung cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, ông X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng thời sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, nợ chung: Bà T và ông X xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ly hôn: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002098 ngày 04/3/2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T với ông Trịnh Minh X.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Hoàng Tên Nhi, sinh ngày 23/7/2012 và Trịnh Hoàng Mỹ Doanh, sinh ngày 04/5/2014 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, ông X không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Bà T và ông X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ly hôn: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002098 ngày 04/3/2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2022). Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án tự nguyện T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÙI CHÍ LINH

